

Bản án số: 23/2021/HS-ST
Ngày 14/7/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮKMIL, TỈNH ĐẮKNÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thế Thắng

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Cường
2. Bà Huỳnh Thiếu Quyên

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Kim Tuấn – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil tham gia phiên tòa: Bà Niê Doan Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 27/2021/TLST-HS, ngày 24/6/2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST-HS ngày 02/7/2021 đối với bị cáo: Phạm Thị N; sinh năm 1966; Tên gọi khác: Sang; nơi sinh: tỉnh Thái Bình; Nơi đăng ký HKTT: Thôn 01, xã R, huyện M, tỉnh N; chỗ ở trước khi phạm tội: Thôn T, xã M, huyện M, tỉnh N; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Nội trợ. Con ông Phạm Văn N (đã chết) và bà Hoàng Thị C (đã chết); bị cáo có chồng là Hoàng Văn P – Sinh năm 1965; hiện cùng trú tại Thôn T, xã M, huyện M, tỉnh N; Bị can có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 1994; Tiền án, Tiền sự: Không; Biện pháp ngăn chặn được áp dụng: Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ khi khởi tố vụ án.

Người bị hại: Bà Diệp Sương Uyển N, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện M, tỉnh N – Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1994; Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện M, tỉnh N – Vắng mặt.

2. ông Hoàng Văn P, sinh năm 1965; Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện M, tỉnh N – Vắng mặt.

- Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị G; Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện M, tỉnh N – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh N truy tố về hành vi phạm tội như sau: Phạm Thị N (sinh năm 1966) có hộ khẩu thường trú tại thôn 1, xã R, huyện M, tỉnh N. Là người giúp việc cho gia đình chị Diệp Sương Uyển N (sinh năm 1989) trú tại Thôn T, xã M, huyện M, tỉnh N.

Khoảng 22 giờ 45 phút ngày 27/4/2021, giữa chị Diệp Sương Uyển N và chồng là anh Nguyễn D xảy ra cãi nhau nên bà Nguyễn Thị G (sinh năm 1957, là mẹ chị N) sang phòng trọ nhờ Phạm Thị N đi cùng đến nhà chị Diệp Sương Uyển N can ngăn. Khi đến nhà, do con của chị Diệp Sương Uyển N thức dậy nên Phạm Thị N đi vào phòng bếp pha sữa cho con chị N uống thì nhìn thấy chiếc túi xách của chị N nằm dưới nền nhà cạnh cửa sổ nên đến nhặt lên mở ra thì thấy có một xấp tiền mệnh giá 500.000 đồng nên nảy sinh ý định trộm cắp số tiền trên, Phạm Thị N để túi xách lại chỗ cũ chờ cơ hội thuận lợi để trộm cắp.

Đến khoảng 00 giờ ngày 28/4/2021, thấy anh Nguyễn D đi khỏi nhà, còn chị Diệp Sương Uyển N vào phòng ngủ, lúc này Phạm Thị N đi vào phòng bếp mở túi xách lấy xấp tiền 18.500.000 đồng cất giấu vào túi quần rồi cầm túi xách ra ngoài sân ném qua hàng rào, sau đó quay vào trong nhà của chị Diệp Sương Uyển N ngủ. Khoảng 05 giờ 00 phút sáng cùng ngày Phạm Thị N về lại phòng trọ lấy số tiền 18.500.000 đồng cất giấu trong túi áo khoác treo ở phòng trọ. Phát hiện bị mất tài sản chị Diệp Sương Uyển N đã trình báo Công an huyện M. Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M Phạm Thị N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đã tiêu xài cá nhân hết 3.500.000 đồng, còn 15.000.000 đồng đã giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M, tỉnh N.

Tại bản cáo trạng số: 27/CTr-VKS, ngày 23/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh N đã truy tố bị cáo Phạm Thị N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh N giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị N phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt: Bị cáo Phạm Thị N mức án từ 06 đến 09 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Đề nghị :

Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M đã thu giữ và trả lại số tiền 15.000.000 đồng cho chị Diệp Sương Uyển N.

Về trách Nhiệm dân sự: Chấp nhận việc bị cáo Phạm Thị N đã bồi thường số tiền 3.500.000 đồng (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*) cho chị Diệp Sương Uyển N.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo và lời khai của những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đắk Mil, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thị N đã khai nhận hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện đúng như diễn biến sự việc mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil đã truy tố, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người người liên quan, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu thu thập có lưu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai.

Hội đồng xét xử xét thấy: Vào khoảng 00 giờ ngày 28/4/2021, tại Thôn T, xã M, huyện M, tỉnh N, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, Phạm Thị N đã có hành vi lén lút trộm cắp của chị Diệp Sương Uyên N 18.500.000 đồng (Mười tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Do đó, Hội đồng xét xử đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo Phạm Thị N đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS năm 2015.

Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản thuộc sở hữu của người khác. Bị cáo biết việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, làm mất trật tự an ninh tại địa phương, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân nhưng với ý thức coi thường pháp luật, để có tiền tiêu xài cá nhân bị cáo đã lợi dụng sơ hở của người bị hại để lén lút trộm cắp tài sản với số tiền 18.500.000 đồng. Do đó, để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt bị cáo mức hình

phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình gây ra. Trong quá trình điều tra bị cáo đã bồi thường số tiền 3.500.000 đồng cho chị N, người bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả của tội phạm mà bị cáo gây ra HĐXX xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành một công dân tốt, người có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Qua xác minh các bị cáo là người không có tài sản, thu nhập, không có điều kiện để thi hành hình phạt bổ sung nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không xem xét giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đắk Mil đã thu giữ sau đó ra quyết định xử lý vật chứng trả lại số tiền 15.000.000 đồng cho chị N là phù hợp nên cần chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo Phạm Thị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Thị N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt: Bị cáo Phạm Thị N 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

2. Về vật chứng trong vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M đã thu giữ và trả lại số tiền 15.000.000 đồng cho chị Diệp Thương Uyên N.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Phạm Thị N phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
- Sở Tư pháp tỉnh N;
- VKS ND huyện M;
- Đội điều tra Công an huyện M;
- Đội THAHS Công an huyện M;
- Bộ phận Nghiệp vụ CA huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thế Thắng